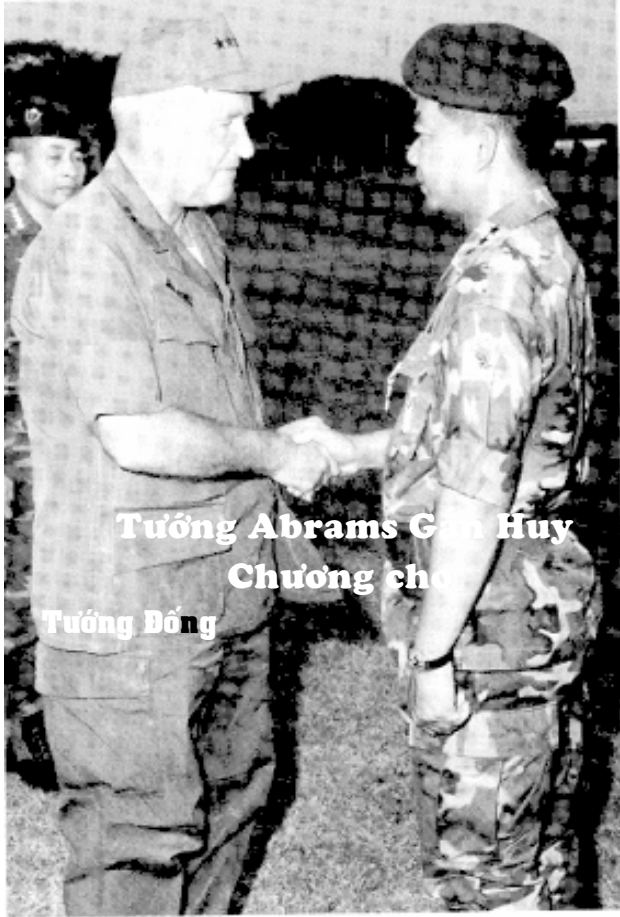


## Chương 2

### Về Sư Đoàn Nhảy Dù

#### 1. Tập Nhảy Dù



*General Creighton W. Abrams awards the Silver Star to LTG Dong for accomplishments during Lam Son 719 in April, 1971.*

Tôi và bốn mươi chín bạn đồng khoá, trong đó có anh Thủ-khoa, được chọn để đưa về Sài Gòn học Khoá Dù 76 ở Trung tâm Huấn-Luyện Nhảy Dù, trong trại Hoàng-Hoa-Thám. Khoá này hơi đặc biệt hơn các khoá khác, vì có 10 cô nữ quân nhân học chung với năm mươi tân thiếu úy chúng tôi.

Khoá 76 Dù có nhiều chuyện đáng chú ý. Điều muốn kể đầu tiên là buổi tiệc tổ chức Tiếp Tân của Tướng Dục quốc Đổng, Tư lệnh Sư đoàn, tại phòng Khánh Tiết, để khoản đãi các Đơn-vị-

trưởng cấp Lữ đoàn, cấp Tiểu-đoàn, các Trưởng phòng, và 50 tân sĩ quan. Đây là cơ hội để cho các đơn vị trưởng có dịp gặp những cán bộ trung đội trưởng tương lai của họ. Gương mặt các vị này đều vui tươi hơn hờ, có vẻ như sẵn sàng thu nạp những con gà nòi, tuy tuổi đời còn trẻ mà người nào cũng có vóc dáng “Kiêu hùng điềm chút phong sương” của các chiến sĩ Dù tương lai.

Khuôn mặt đáng chú ý nhất trong số khách dự dạ tiệc là Tướng Dục-quốc-Đổng, ông có vóc dáng uy nghi, mày rậm, mắt to, cử chỉ hiên ngang. Ông là một sĩ quan can đảm, tài ba, đã từng trải qua nhiều trận chiến ác liệt trên khắp bốn Vùng Chiến Thuật. Ngoài tài hành quân tác chiến, Tướng Đổng còn là một người rất nghĩa khí. Có lần trong cuộc họp Hội-Đồng Tướng-Lãnh để bầu phiếu buộc tội Trung-tướng Nguyễn-Chánh-Thị về việc a tòng và dung túng những phạm tử ở Vùng I Chiến Thuật, họ biểu tình quấy rối trị an và phản kháng lại Chính Phủ Trung Ương. Hầu hết tướng lãnh đều bỏ phiếu thuận, chỉ có hai phiếu trắng; một vị tướng nói:

- Tội của Tướng Thị đã quá rõ ràng, tại sao lại có người bỏ phiếu trắng là nghĩa lý gì đây ?

Tướng Đổng đứng lên nói: ‘Tôi đã bỏ phiếu trắng đó; Trung-tướng Thị là thầy tôi, Tr/tướng Viên cũng là thầy tôi, nếu bảo tôi chống lại thầy mình, thì tôi không làm. Vậy quý vị muốn xử thế nào thì tôi sẵn sàng thi hành.’

Các tướng lãnh trong đó có Trung-tướng Nguyễn-văn-Thiệu, Trung-tướng Cao-văn-Viên,...nghe lời nói khí-khải hùng hồn của ông, ai nấy đều mền phục. (Tướng Thị, tướng Viên nguyên là hai vị Tư-lệnh tiền nhiệm của Sư-Đoàn Nhảy-Dù).

Tướng Đổng rất thương yêu binh-sĩ, nhưng ông lại rất khắc khe đối với các sĩ-quan cao-cấp. Các vị Tư lệnh phó, Lữ đoàn trưởng, Trưởng phòng, Tiểu đoàn trưởng đều rất nể sợ ông. Đại-tá Nguyễn-khoa-Nam, Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 3 Nhảy dù, đã từng bị quả trách khi đang hành quân ở mặt trận Bến Gò-Nổi. Lúc ấy Tiểu đoàn 9 Nhảy dù có một đại đội bị địch độn thổ phục kích ở bãi sậy cao quá đầu người. Đại-đội tôi đang

đóng quân cùng với các đại đội khác bảo vệ bộ chỉ huy Tiểu đoàn. Trung tá Nhã, tiểu đoàn trưởng, lệnh cho tôi dẫn Đại đội 91 ra tiếp ứng Đại-đội 92 của bạn Nguyễn tổng Hiến.

Trên đường toàn là rừng cây, đi khoảng 20 phút gặp một bãi lau sậy rộng mênh mông bát ngát, tôi cho đại đội đi đến một khoảng trống trước mặt, rồi dàn quân chờ liên lạc coi đơn vị của Hiến đang ở đâu. Bỗng từ phía bên bụi sậy trước mặt, cách Đại đội tôi khoảng 100 thước, vài tên địch đầu đội nón cối, trong đó có một người vác băng ca giống như y tá của ta. Có lẽ chưa thấy chúng tôi, vì mặt họ đang nhìn về hướng Đại đội 92.

Các binh sĩ thấy địch, vội phản ứng bắn xả; nhưng tiếng của Hiến la oé lên trên máy: “Lính mày đang bắn vào tụi tao, ngưng ngay!” Tôi bảo binh sĩ thôi tác xạ, nhưng Hiến vẫn tiếp tục la: “Sao tụi mày còn bắn dữ vậy?” Tôi cầm ống liên hợp của máy PCR25 nói:

- Tụi tao đâu có bắn.

Bỗng nhiều loạt đạn nổ về hướng chúng tôi, vài binh sĩ bị thương ngay loạt đạn đầu tiên. Thiếu úy Trứ vội điều động cả trung đội xung phong lên định bắt sống đám bộ đội trước mặt. Nhưng các chiến sĩ vừa nhóm lên thì địch từ trong rừng ào ra đông như kiến! Anh và chuẩn úy Phan Văn Phúc đành khựng lại, và dựa vào mô đất hoặc gốc cây để khai triển các hỏa lực cơ hữu. Bỗng một viên đạn trúng xuyên qua chân Trứ, máu chảy ra lênh láng. Kinh binh Đông cố kéo thầy mình về phía sau, Phúc điều khiển trung đội hợp cùng hai trung đội của Chuẩn úy Trọng và Phấn chống trả mãnh liệt.

Địch quân đành nằm liều tại chỗ bắn vào Đại đội 91, chúng tôi chống trả mãnh liệt, mặc cho Hiến cứ la, vì rõ ràng mọi người đều thấy địch mặc sắc phục của lính chính qui Bắc Việt, và chúng đã bắn thẳng vào đơn vị tôi nữa. Giằng co nhau qua lại hơn một tiếng đồng hồ thì đối phương biết mình bị lưỡng đầu thọ địch.

Lính của Hiến cũng đang bắn xả vào họ, nên chúng phải chém về, rút vào đám lau sậy trốn mất để lại nhiều thương binh và nhả Đại đội 92 ra, tiếng súng ngưng dần rồi dứt hẳn. Thế là đơn vị tôi vô tình áp dụng được kế “Vây Ngụy cứu Triệu” mà đón được đơn vị bạn về.

Điều đặc biệt là Tướng Đông thường bay trực thăng trên đầu các đơn vị Nhảy Dù khi họ đang

chạm địch, có lẽ ông đã vô tâm số và nghe chúng tôi oé nhau. Nên ngay sáng hôm sau, ông đã cùng Đại tá Nguyễn khoa Nam đáp xuống chỗ đóng quân của Tiểu đoàn 9 Nhảy dù. Tôi được lệnh chỉ huy đội giàn chào để nghênh đón ông (vì nước da của tôi ngăm đen giống Tướng Đông, nên Tiểu đoàn cố tình cho tôi làm giàn chào tới hai lần, lần trước ở TTHL Vạn Kiếp, Bà Rịa). Khi trực thăng đáp xuống, thấy ông xồng xộc đi nhanh tới, tôi hết hồn vội hô to: “Vào hàng ....phắc!”

Có thể vừa xuống trực thăng, ông đã được Đại tá Nam cho biết tôi là một trong hai đại đội trưởng đã trực tiếp chạm địch hôm qua, ông hỏi:

- Anh đụng địch ra sao ?

Tôi đứng thể nghiêm, tóm tắt kể lại tình hình đánh nhau ở chiến địa; nghe xong ông không nói gì, chỉ đi thẳng vào bộ chỉ huy Tiểu đoàn. Đứng từ xa tôi thấy ông hình như đang khiển trách Đại tá Nam và Trung tá Nhã. Ông tức giận vì chiến đoàn không cho truy kích, để địch vượt thoát. Mỗi lần các đơn vị đi hành quân mà không chạm địch, ông thường nói từ trực thăng xuống :

- Bộ các anh né tụi nó hả ?

Các sĩ quan cấp “Tá” trở lên mới bị Tướng Đông nạt nộ, quở trách, đối với cấp “Úy” thì ông không nói gì. Nhưng với anh em Binh sĩ, ông hết sức nhỏ nhẹ, cặp mắt luôn nhìn họ một cách hiền từ, triu mến. Ông nghĩ họ là thành phần cực khổ và chịu nhiều nguy hiểm nhất; ông muốn yểm trợ cùng giúp đỡ thật nhiều cho binh sĩ và gia đình của họ; giống như người cha lo lắng cho những đứa con thân yêu của mình vậy.

Tướng Đông là Tư lệnh thứ tư của SĐND (từ 1964 đến 1972, sau Đại tướng Đỗ cao Trí, Trung tướng Nguyễn chánh Thi, Đại tướng Cao văn Viên). Trong binh chủng Dù, ông phục vụ lâu năm nhất, chỉ huy từ cấp Trung đội trưởng và không hề có thời gian gián đoạn chỉ huy so với các Tư lệnh khác. Thời gian ông chỉ huy là lúc chiến tranh Việt Nam lên tới cao điểm khốc liệt nhất, những trận đánh dữ dội không gián dị như thời còn trực thuộc quân đội Pháp. Nhiều trận giao tranh ở cấp sư đoàn và phối hợp hành quân tác chiến với các quân binh chủng khác. Dưới quyền lãnh đạo của tướng Đông, lực lượng Nhảy Dù đã không những mang lại nhiều chiến thắng mà còn làm cho quân lực Đồng Minh phải ngưỡng mộ.

Đại tướng Lindsay, nguyên là cựu cố vấn TĐ8ND đã nói: “Những chiến thắng gần đây ở Grenada và kinh đào Panama do Nhảy Dù Mỹ đem lại chính là chúng tôi đã học hỏi nhiều về kinh nghiệm tác chiến của Nhảy Dù VN...”.

Tướng Schwarzkopf, nguyên Tư Lệnh lực lượng Hoa Kỳ tại vùng Vịnh, trong cuộc chiến với Iraq tại Kuwait trước đây, đã viết cuốn hồi ký tựa đề là “It Doesn't Take A Hero”.

Trong phần nói về những ngày tham chiến tại Việt Nam khi còn là Thiếu Tá Cố vấn cho TĐ7ND, ông viết: “Không giống như một vài đơn vị khác của QĐVNCH, các đơn vị Nhảy Dù, bằng mọi giá, bao giờ cũng tìm cách đưa thi hài đồng đội trở về với gia đình của họ”. Ông kể lại một hôm, tại chiến trường Cao Nguyên Trung Phần, sau một trận chiến, có 3 binh sĩ Dù tử thương. Trục thăng tiếp tế Mỹ từ chối chở 3 xác chết. Thiếu tá Schwarzkopf đã bỏ nhào ra ôm càng phi cơ và nói với viên Phi công: “Tôi sẽ

co”. Cuối cùng 3 thi hài được trục thăng này chịu chở đi.

Dưới quyền tướng Đống, binh chủng Dù từ cấp Lữ Đoàn đã trở thành cấp Sư Đoàn, với quân số lên đến 12.700 gồm 9 Tiểu đoàn Tác chiến, ba Tiểu đoàn Pháo binh, và ba Đại đội Trinh Sát. Cũng như vị tiền nhiệm là Đại tướng Đỗ cao Trí, người đã chỉ huy Dù dẹp loạn Bình Xuyên, lập uy tín cho Thủ Tướng Diệm lúc mới cầm quyền thời Đệ Nhất Cộng Hòa, tướng Đống đã chỉ huy SĐND lập nhiều công lớn trong kỳ Tết Mậu Thân, trận Pleime, Đồi 1416 ở Dakto, cuộc tiến quân sang Campuchia, trận Hạ Lào, Trận An Lộc, Bình Long,...

Trong Khoá học Dù, các môn khó học nhất là nhảy “Chuồng cu” và “Dây kinh dị”. Khi nhảy chuồng cu, Khoá sinh đứng trong một cái chòi cao 11 thước, lưng móc vào một dây cáp (kéo dài ra xa, rồi thấp dần xuống tới mô đất cao). Họ phóng mình giống như từ trong phi cơ nhảy ra (có một số tân binh bị loại vì không dám nhảy chuồng cu). Còn dây kinh dị cũng hơi giống như chuồng cu, chỉ khác là dùng hai tay nắm chặt vào cái rờ rờ (ròng rọc), rồi từ độ cao 12 thước cầm rờ rờ tuột theo dây cáp tới khi chân gần chạm bãi cát, thì buông dây nhào lộn, sao cho té theo đà một cách nhẹ nhàng. Đầu lúc nào cũng phải cúi cho cảm đụng vào ngực, để tránh bị tổn thương não bộ.

Ngoài ra khoá sinh còn học cách té, cách chạy tránh dù lồi. Huấn luyện viên dùng một cái quạt thật lớn, đường kính khoảng 3 thước, gắn trên xe Dodge. Sức gió thổi mạnh vào khoá sinh, làm dù bung ra, kéo lồi cả người và thổi đi xa. Nếu muốn tránh bị dù lồi, họ phải nhanh chân chạy bọc ra phía sau, ngay đỉnh của cây dù đang phùng to đó, như vậy dù sẽ xẹp xuống, không còn bị ảnh hưởng sức thổi của cây quạt khổng lồ nữa.

Khoá sinh cũng được học cách lái dù để tránh không xấp lại gần dù bạn, học cách điều khiển cho dù xuống chậm và lái cho dù xuống đứng bãi đáp an toàn. Kế đó học xuống dù trên mặt đất, trên ngọn cây, hoặc rơi xuống nước.

Khoá Dù 76 chúng tôi đã bị Trung úy Nguyễn Văn Vinh, Chỉ huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện, đích thân ra phạt tập thể thật là oan. Lý do là “Cố ý coi thường và khiêu khích các hạ sĩ quan huấn luyện viên”.



Major Norman Schwarzkopf, Advisor to the Vietnamese Airborne Division 1st Task Force, helps a wounded trooper after a Viet Cong attack.

**Tướng Đống lúc còn là Thiếu Tá Cố vấn đang giúp chuyên gia nhảy dù**

không rời chiếc càng này, tôi sẽ bị ngã chết, ông có muốn chịu nhận trách nhiệm xảy ra như vậy không? Hơn nữa nếu ông cất cánh, tôi sẽ bắn phi

Thật ra thì cũng do các tân thiếu úy đã quen chạy sáng trong suốt hai năm ở quân trường, lại còn tập chạy trường lực khoảng 30 cây số mỗi ngày, trong 3 tháng cuối khoá để chuẩn bị tâm tư cho lớp Rừng Núi Sinh Lầy tại Dục Mỹ, vì vậy ai nấy đều có sức khỏe như voi. Khi chạy sáng, các Huấn Luyện Viên, vừa vợ con đùm đê, vừa tuổi tác cao, thì làm sao chạy theo kịp hàng quân. Các ông phải cố gắng chạy theo tới mệt thở hổn hển. Vừa nổi sùng, vừa mắc cỡ, chẳng biết họ báo cáo thế nào đó, để đến nổi Trung úy Vinh phải đích thân ra xử phạt tập thể. Điều đáng giận là trong khi chúng tôi thi hành lệnh phạt thì các cô nữ khoá sinh lại đứng cười chê nhạo, thật là quá đáng! Càng giận hơn, vì họ còn dám dèm theo nhịp khi chúng tôi đang hít đất nữa chứ!!.

Tức quá tôi đó có vài câu xung phong đi “Đột kích đêm”, kết quả thành công rực rỡ, vì những chàng trẻ tuổi độ thân này đúng là “Rightman” của các cô. Từ đó đã tạo ra những mối tình đầy thơ mộng và có những cặp đã được đơm hoa kết trái tới ngày nay, họ vẫn còn cùng nhau vui đùa với các cháu nội, ngoại ở nơi xứ lạ quê người này.

Trung-tá Vinh (cấp bậc sau cùng), trước năm 1975, ở gần nhà tôi. Khi sắp trình diện đi tù tập trung, có nói với vợ rằng: “Chắc anh tự vận trong tù quá, sợ không chịu đựng được sự hành hạ nhục nhã của chúng nó đâu!”

Quả thật vậy, một thời gian sau, gia đình chị Vinh nhận được thư báo tử! Lý do chết vì bệnh(?).

Tất cả 7 số nhảy của Khoá Dù 76, đều có mặt Trung-tá Ngô-Quang-Trường, tham mưu trưởng sư đoàn, và Đại-tá Cố Vấn. Trung tá Trường, người nhỏ con, khuôn mặt khắc khổ, nhảy bằng dù điều khiển; còn khóa sinh chúng tôi thì nhảy bằng dù tự động. Ông và viên đại tá từ độ cao trên hai ngàn thước, ở vị thế rơi tự do, hai người bơi gần lại để trao gậy cho nhau. Nhìn họ lúc ấy

giống như hai con dơi, đang bay lơ lửng trên không trung, trông thật ngoạn mục!

Khi tới cách mặt đất khoảng 500 thước, họ mới cho bung dù, rơi là đà, hai chân chạm xuống mặt đất một cách nhẹ nhàng. Còn phần tôi thì hơi oi! Nhảy lần đầu thật là quờ quạng, lúng túng. Lúc phóng mình ra khỏi chiếc C-47, miệng đếm lẩm bầm:

- 331, 332, 333, 334 !

Vừa dứt tiếng thứ tư thì dù bật tung ra, người tôi bị ghi giật lại. Cánh dù bung rộng lớn, làm cản gió khiến tôi như bị treo lơ lửng trên không. Lấy lại sự bình tĩnh, tôi đảo mắt nhìn khắp nơi, thấy toàn là mây với mây! Nhìn xuống, tôi giật mình kinh hãi, lúc ở lầu năm tầng ngó xuống còn chóng mặt, bây giờ nó lại cao khiếp quá chừng, thật là đáng sợ! Rồi mặt đất như cứ dâng lên dần dần, các thửa ruộng giống như những bàn cờ càng lúc càng lớn ra.

Kia sắp tới mặt đất mà mắt vẫn ngó trời mây bao la, bỗng thoáng thấy trước mặt hiện ra một tàng cây to tướng, tôi giật mình phân vân! Biết phải làm sao đây? Chân

sắp chạm ngọn cây rồi? Tôi mất bình tĩnh quên hết các lời đã chỉ dạy trong khoá học! Bỗng tai nghe văng vẳng:

- Kéo dây Thượng thăng bên trái!

Tôi làm theo như phản ứng tự nhiên, thoáng nhìn ngang qua, thấy bên cạnh là một cây cỏ thụ có tàng rộng đang từ từ dâng lên; nếu không điều chỉnh dù kịp lúc, thì cả người tôi và cánh dù đều dính trên ngọn cây! (hôm đó vì gió hơi mạnh nên Trí “Khệ” bị dính ngọn cây và một đứa rớt thùng mái “Tôn” trường học).

Khi đáp xuống đất, thay vì lo chạy tránh dù lồi, tôi vẫn còn đứng ngơ ngáo, để mặc cho em bé chần trâu giúp xếp dù gọn vô bao tải lúc nào rồi mà vẫn còn không hay.

Mới hơn 10 tuổi mà đã biết điều khiển và xếp gọn dù thật là giỏi; sau khi xong, em đứng nhìn tôi, chợt thấy bông mai trên bầu áo, em la lên:

### Các em là những hậu duệ tốt



- Ông này là Thiếu úy mà lơ quờ quá tội bây ơi!  
Tôi móc túi cho em chút tiền quà, vừa vác dù vào  
điểm tập trung vừa tự cười thầm, lớn đầu mà bị  
em nhỏ chê, thật là xấu hổ quá trời! Lòng tự nhủ  
kỳ sau không được quá bê bối như vậy nữa, để  
không bị các em chần trâu chê quờ quạng!

## 2. Về Tiểu Đoàn 9 Nhảy Dù

Sau khi mãn Khóa Dù, tôi và 15 bạn Khóa 20  
Võ Bị, được bổ sung về Tiểu đoàn 9 Nhảy dù.  
Giống như Tiểu đoàn 2 ND, đây là một đơn vị  
tân lập, trong kế hoạch mở rộng Sư Đoàn Nhảy  
Dù. Vì thế thành phần cán bộ nòng cốt lấy ra từ  
những sĩ quan xuất sắc của các Tiểu Đoàn Dù nổi  
tiếng:

Tiểu-đoàn-trưởng: Thiếu-tá Lê-Văn-Huệ,  
Khóa 1 Thủ Đức

Tiểu-đoàn-phó : Đại-úy Trương V. Phước,  
Khóa 4 Thủ Đức

Sĩ quan Ban Ba : Đại úy Liêm, K12 Đà Lạt,  
SQ Pháo Binh Dù

Đại-đội-trưởng ĐĐ90ND: Đại-úy Phú,  
K4 Phụ Thủ Đức

Đại-đội-trưởng ĐĐ91ND: Đại-úy Đình,  
K15 Đà Lạt

Đại-đội-trưởng ĐĐ92ND: Đại-úy Võ-Tín,  
K14 Đà Lạt

Đại-đội-trưởng ĐĐ93: Đ/U Nguyễn Đình Bảo,  
K14 Đà Lạt

Đại-đội-trưởng ĐĐ94ND: Đại-úy Thừa,  
Khóa 9 Thủ Đức

Các Đại-úy Bảo, Thừa, Tín, và Đình là những  
anh hùng vừa chiến thắng và được thăng cấp tại  
mặt trận trong chiến dịch hành quân nổi tiếng có  
tên là “Đại Bàng 800” ở Vùng II chiến Thuật  
(ĐĐ91 có nhiều thay đổi chức vụ đại-đội-trưởng  
nhất: từ 1966-67 là Đại úy Quân, Trung úy  
Trang, Đại úy Đình, Mễ; từ 68-70 là Đại úy  
Dưỡng; từ 71-75 là Đại úy Bảo, Tâm, Trọng,  
Tuông,...).

Các vị sĩ quan đại-đội-trưởng đã có một thời gian  
ngắn, từng ở Tiểu đoàn trong thời kỳ phôi thai  
tân lập là:

Trung úy Nguyễn Hữu Cang: ĐĐT/Đại-đội 94

Trung úy Ngô Tùng Châu: ĐĐT/Đại-đội 90

Trung úy Phan Nhật Nam: ĐĐT/Đại-đội 93

Trung úy Lã quý Trang: ĐĐT/Đại-đội 91

Trung úy Đức: ĐĐT/Đại-đội 92

Mười sáu đứa chúng tôi chia nhau về làm Xứ  
Lý Thường Vụ Trung-Đội-Trưởng:

ĐĐ90ND : Dưỡng, Đại

ĐĐ91ND : Bảo, Hiến, Miên, Thành

ĐĐ92ND : Nuôi, Trụ, Chàng, Toàn

ĐĐ93ND : Phương, Chí, Hồ

ĐĐ94ND : Lộc, Trạch, Lân

Lúc đó các đơn vị nhảy dù thường chạm trán  
với quân chánh-quĩ địch tại những nơi hung  
hiểm, chẳng hạn như giải vây cho các căn cứ biên  
phòng: Pleime, Katum, Bền-Sỏi,...

Việc bổ nhiệm các chức vụ hết sức cân nhắc.  
Thiếu-úy mới ra trường, chưa kinh nghiệm thì chỉ  
được làm “Xử lý” Trung-đội, vài tháng sau mới  
làm “Quyền” Trung-đội-trưởng (lúc này được ăn  
thêm tiền chức vụ). Sau đó một thời gian có kinh  
nghiệm vững chắc mới được chức Trung-đội  
trưởng “Thực thụ”. Vì vậy các chức vụ của Sư  
Đoàn Nhảy Dù đều được mọi người xem quí  
trọng.

Lúc bấy giờ là đầu năm 1966, tiểu đoàn đang  
chờ đợi tân binh học xong khoá dù, rồi toàn bộ sẽ  
đi học bổ túc quân sự tại Trung tâm huấn luyện  
Vạn-Kiếp ở Bà Rịa. Một hôm tôi và Trần Hữu  
Bảo có nhiệm vụ dẫn tân binh học khóa dù; mọi  
người đều đi đường bộ, vì doanh trại tiểu đoàn  
cũng nằm trong khu vực Hoàng Hoa Thám.  
Trong khi binh lính đang học tập, tôi và Bảo ngồi  
ở mái hiên nghỉ mát; lúc ấy Đại úy Liêm “Bô”  
cùng với Đại úy Phước ngồi trên xe Jeep chạy  
ngang qua. Chúng tôi đang ở trong bóng mát tối  
mờ nên họ không nhìn thấy. Khi dẫn lính về thì  
nghe tin Đại úy Liêm đề nghị với tiểu đoàn  
trưởng phạt hai đứa mười ngày trọng cấm.

Tôi và Bảo vội chạy tới trình diện Tiểu Đoàn  
Trưởng và nói:

- Thừa Thiếu tá chúng tôi đâu có vắng mặt tại  
bãi tập.

Thiếu tá Huệ hỏi :

- Vậy lúc đó hai anh đang ở đâu mà Đại úy  
Liêm không nhìn thấy?

- Chúng tôi đang ngồi trong mái hiên và có  
thấy Đại úy Liêm lái xe chở Đại úy Tiểu đoàn  
phó. Họ đã đi ngang qua nhưng không nhìn vào  
hướng chúng tôi.

Thiếu tá Huệ thấy hai đứa tôi trả lời hợp lý,  
ông lúc nào cũng có thiện cảm với 16 con gà mới  
ra lò này. Hơn nữa biết Đại úy Liêm chỉ muốn hù

mấy chàng trai trẻ mới ra trường này thôi, nên ông già bộ nói:

- Kỳ sau ráng cẩn thận nghe, thôi các anh về đi. Rồi không nói năng gì đến lệnh phạt nữa.

Bảo là người xứ Huế, còn tôi là dân miền Lục Tỉnh (Vĩnh Bình), hai đứa không có nhà ở Sài Gòn nên ngủ thường trực ở trong doanh trại tiểu đoàn. Hằng ngày chúng tôi hay lấy xe Vélo Solex đèo nhau chạy từ Bà Queo xuống tận tới tiệm cơm Thanh Xuân ở bên xe Nguyễn Cư Trinh, để thưởng thức món rau ghém chấm mắm kho, cùng món gỏi gà ngon tuyệt!

Không phải tự nhiên muốn đi ăn cơm xa xôi như vậy đâu, thực ra tôi đã từng có mối tình thơ mộng ở đây, nên đi đoạn đường dài hơn 5 cây số để ăn trưa vì còn một dụng ý khác! Cách quán cơm Thanh Xuân khoảng 100 thước, có ngôi nhà giàu, cao ba tầng lầu, trong nhà đó có hai cô gái đẹp, tuổi độ cập kê. Có thể nhái theo Nguyễn Du để tả:

Hương xem trang trọng khác vời,  
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.  
Hoa cười ngọc thốt đoan trang,  
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.  
Lan càng sắc sảo mặn mà,  
So bề tài sắc lại là phần hơn.

Tuy hai chị em không thể sánh với sắc đẹp hai nàng Kiều của Nguyễn Du, nhưng trong lòng tôi lúc đó cảm thấy Lan quả thật là tuyệt vời. Tôi quen biết Lan từ năm học Đệ Nhị, chỉ vì mặc cảm mình xuất thân ở vùng tỉnh lẻ quê mùa; so với nếp sống sang trọng xe hơi, nhà lầu của nàng, tôi cảm thấy quả thật không xứng. Mỗi lần tới nhà, thấy ba má nàng cười mở như người Tây phương, cho phép các con tiếp xúc với bạn trai một cách tự nhiên, khiến lòng tôi hết sức mến mộ. Hương thì vui vẻ ngây thơ, còn Lan thì tế nhị biết chiều lòng người, tôi mến Lan ngay từ buổi đầu gặp gỡ. Nhưng vì bản tính nhút nhát, tự ty mặc cảm, nên chẳng những không dám thổ lộ tâm tình mà còn tự làm cho khoảng cách giữa hai người càng lúc càng xa thêm! Do đó, thay vì gặp nàng thường xuyên, tôi chỉ có thể làm bộ thích ăn món mắm kho để có cớ rủ Trần Hữu Bảo cùng đi Nguyễn Cư Trinh, mong được nhìn thấy hình bóng nàng từ xa, hầu khuây khỏa phần nào nỗi thương nhớ! Trong thâm tâm tôi nghĩ, đời nào một người giàu có lại chịu lấy chồng nghèo quê mùa như mình!

Rồi mấy tháng sau, trong dịp đám cưới của đứa em gái, tôi xin phép về quê, sẵn dịp thăm nhà luôn. Khi tới Vĩnh Bình, mấy đứa bạn học cũ như Lộc, Chánh, Hiền, Bá,...rủ nhau lại nhà thằng bạn thân tên Song ở xã Phước Hưng. Chúng tôi đuổi vịt, bắt cá, đem nướng trui ăn với mắm cá sặt xé, trộn với gừng non và trái bần chín ngon vô cùng.

Từ nhỏ tôi đã rất thích cảnh đồng quê, trong những năm trung học Đệ Nhất Cấp, ở trường Trần Trung Tiên. Mỗi cuối tuần tôi thường chạy xe đạp tới nhà các đứa bạn như Trần Đức Nhuận ở Đầu Bờ để uống nước dừa xiêm thiệt, và lội sông, ra đồng bắt ốc buri ăn với cơm mẻ; vô nhà Văn Tường ăn tàu hủ, uống sữa đậu nành; hoặc vô xóm người khmer, như nhà của bạn Tô Savong, để ăn món canh xiêm lo, nấu bằng cá lóc, đu đủ sống, nêm mắm bồ hóc mùi thơm đậm đà, thật hết sức đặc sắc.

Sau khi no nê, Song và Chánh dẫn tôi tới nhà bà dì họ ở cạnh bên đường đất đỏ, cách nhà Song độ 100 thước, mà trước khi vào nhà nó, tôi đã từng đi ngang qua.

Ngôi nhà này rất rộng, phía trước có trồng mấy cây vú sữa, cành mang đầy trái chín đỏ ửng. Bên sân phải nhà, có một cây táo ta, trái vị chua chua chát chát ăn rất ngon. Sau nhà có chuồng nuôi bò trâu, chúng bay lượn khắp nơi, nhiều con đậu đầy trên nóc. Gian trước là phòng khách rộng rãi, bộ ván gỗ để gần cửa sổ, ở giữa đặt một cái bàn hình chữ nhật, cùng 8 chiếc ghế gỗ vây xung quanh. Gian phía sau cũng rất lớn, có nhà bếp, nhà tắm, và kho chứa lúa đầy bồ.

Vừa bước vào nhà, tôi thấy một người đàn bà tuổi trung niên, đôi mắt sáng, mũi dọc dừa, mặc đồ bà ba mà tướng vóc có vẻ sang trọng.

Chánh chỉ tôi rồi nói:

- Thằng này là bạn học cũ, ở Sài Gòn về chơi, sẵn dịp con dẫn nó ghé thăm dì luôn.

Tôi gật đầu khẽ chào, bà mời mọi người vô nhà. Sau khi đãi trà bánh một lát, thì Song đi theo bà chủ ra nhà sau rồi nói:

- Sao, Cô Tư coi thằng Dưỡng, bạn con, có được không? Nó là thiếu úy Nhảy Dù, hiện đang làm việc ở Sài Gòn. Con định giới thiệu con Nhi cho nó đó.

Hai cô, cháu đang thì thầm những điều gì đó chẳng biết. Một hồi sau, trong lúc tôi đang ngồi uống trà với Hiền, Chánh và Bá, bỗng thấy một cô gái bung một đĩa dưa hấu ra mời. Vừa nhìn

thấy cô, tôi giật mình, tim run động mạnh. Không ngờ ở nhà quê mà có một cô gái dễ coi và duyên dáng thế này hay sao?

Cô có nước da bánh mật, tóc dài phủ lên bờ vai thon, đôi mắt đen huyền và sắc sảo, môi cô đỏ mọng tự nhiên, khi nàng cười bày ra hai hàm răng trắng xinh xinh, lại có má núm đồng tiền làm tăng thêm phần mỹ miều dễ thương. Nếu đem so với Lan thì “Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười”, một đằng thì sắc sảo mặn mà của người thành phố, còn đằng khác thì ngây thơ duyên dáng, hiền hoà của gái đồng quê.

Như đã nói ở trên, tôi đã bị ảnh hưởng cảnh đồng quê từ nhỏ, nên khi thấy nàng thôn nữ, như cá gặp nước, như bị mất hồn. Rồi nàng lại còn đích thân mời thêm một miếng dưa nữa chứ, làm tôi đã điên đảo, bây giờ lại càng đảo điên hơn! Thấy tôi ngó nàng chăm chú, Chánh thúc cùi chõ hỏi:

- Sao, coi được không mậy ?

Tôi giật mình bẽn lẽn, như kẻ trộm bị bắt gặp quả tang! Mới vừa thấy cô thôn nữ, mà đã si tình, y như mèo thấy mỡ, thật không đành hoàng chút nào. Cũng có thể đó là “Tiền duyên” kiếp trước; vì không hiểu sao, tôi mới gặp nàng lần đầu mà đã cảm thấy như có một sức thu hút, in sâu hình bóng thùy mị đoan trang của cô gái miền quê vào tim! Trong lúc trò chuyện với mẹ nàng, thấy bà là người ăn nói thẳng thắn, có tài quyết đoán, tánh tình cương trực, làm tôi vô cùng ngưỡng mộ.

Trên đường đi, Song và Chánh còn nói, bà là người đảm đang, lòng dạ rất tốt, thường hay giúp đỡ mọi người, cô Nhi giống mẹ nhiều nhứt. Khi từ già bà mà tôi cảm thấy như còn quyến luyến một điều gì, cố nhìn vói ra sau, bỗng bắt chợt bắt gặp khuôn mặt của người đẹp đang núp ở nhà sau, ló đầu ra nhìn theo, khiến lòng tôi xao xuyến lâng lâng, có lẽ tôi đã bị tiếng sét ái tình rồi!

Trở về nhà Song, má của hắn hỏi:

- Mày có chịu con Nhi không, Mợ Tư sẽ làm mai cho?

Bụng tôi thì rất thích cô thôn nữ này, nhưng chỉ mỉm cười vì nghĩ còn phải tìm hiểu thêm đôi chút về người bạn trăm năm tương lai, nhất là cần phải hỏi ý của má tôi nữa chứ. Tôi rất thương mẹ, vì bà đã ở goá, lo tảo tần nuôi tôi ăn học thành tài, mà không một lời than thở. Nhớ nhứt là hai giỏ quà, khi bà lên thăm ở trường Võ Bị, tôi là thanh niên mà khiêng vô không nổi, vậy mà bà

đã chịu khó mang nó từ Trà Vinh lên; đoạn đường dài hơn 500 cây số và phải sang xe đò tới mấy chuyến.

Thấy tôi chần chừ chưa trả lời Mợ Tư, Chánh nói:

- Nếu mày không chịu, tao sẽ giới thiệu em gái tao cho.

Tôi chỉ mỉm cười, vì mình đã có chủ kiến rồi.

Chánh, Song, Hiền, Bá, là những thằng bạn nối khố của tôi, họ rất tốt bụng. Song tốt nghiệp Sư Phạm dạy học gần nhà, còn Chánh và Hiền vừa có giấy gọi vào trường Võ khoa Thủ Đức, chúng nó thấy tôi đã gần 25 tuổi mà vẫn còn độc thân, nên hết lòng muốn tôi cưới vợ ở Vĩnh Bình, để sau này thỉnh thoảng còn trở về quê ra đồng bắt cua, cá, ốc bươu với họ nữa chứ. Chánh cũng có dẫn tôi tới gặp em gái của nó, cô này cũng đẹp dễ thương như cô Nhi, nhưng đầu óc đã có chủ định riêng, không muốn nghĩ điều gì nhiều nữa.

Sau khi trở về tỉnh, tôi có để tâm tìm tòi về gia thế của cô Nhi. Rồi đầu óc cứ suy nghĩ vẫn vợ, nghĩ đến Lan và các bạn gái mà tôi đã quen biết. Nghĩ đến nếp sống thanh bình, khi hết giặc, về quê đào ao nuôi cá, trồng cây lập vườn, sống an nhàn thơi thới, không phải bon chen cạnh tranh với ai hết. Ôi cảnh đồng quê sao mà thần tiên, lý tưởng quá!

Cuối cùng tôi quyết định đến gặp mẹ và trình bày mọi việc. Bà hết sức vui mừng, không cần nói lời thối gì hết, lúc nào bà cũng ủng hộ con, giống như lần tôi xin phép bà để theo học trường Võ Bị Đà Lạt lúc trước. Bà bảo thu xếp làm đám cưới sớm, mọi việc dưới tỉnh sẽ có anh hai Sang lo dùm.

Hôm sau biết nàng lên tỉnh mua sắm (hay muốn cho gặp mặt lần nữa đó cô nàng?), Chánh vội tới rủ tôi vô Tri Tân, nhà của người chị thứ ba, để gặp nàng thêm. Tôi cùng Chánh chạy xe vô Tri Tân, vừa tới thì thấy Nhi cũng mới bước ra khỏi cửa, nghe nói dẫn mấy đứa em tên Hồng Sơn, Hồng Giang ra chợ sắm áo quần gì đó. Gặp mặt nhau bất ngờ trước cửa, hai bên chỉ khẽ gật đầu chào xã giao. Chánh lén chỉ sau lưng tôi như ngụ ý:

- Nó đó, mày có chịu không Nhi ?

Tôi nhìn nàng cười có má núm đồng tiền thật duyên dáng, cảm thấy hài lòng hết sức! gương mặt cả hai đều đỏ ửng như e lệ thẹn thùa, nửa

phần mặc cỡ, nửa phần vui tươi! Đó có nghĩa là “Tình trong như đã mặt ngoài còn e” vậy mà !

Hai tháng sau, trước khi về quê cưới vợ, tôi viết vài bức thư gửi cho các bạn gái cũ (chỉ là bạn thôi vì tôi chưa dám, hoặc vì bản tính nhút nhát, thốt những lời yêu đương hứa hẹn). Trong đó có nêu lý do là đã bị các nàng chê, nên đành vâng lệnh gia đình về quê cưới vợ, để nối dõi tông đường, mong các nàng tha lỗi và vẫn còn được giữ liên hệ tình bạn thuần túy tốt đẹp như thuở nào.

Nhận được thư, Lan tức giận tại sao tôi lại quyết định quá đột ngột như vậy? Nàng bảo Đại (bạn trai của Hương, do tôi giới thiệu) tổ chức một bữa cơm, rồi nói tài xế chở Lan và Hương đích thân đến rước hai vợ chồng tôi, đưa tới nhà của Đại! Thử coi “Người ta” đẹp tới đâu? Mà khiến tôi xiêu lòng đến nỗi phải làm đám cưới một cách vội vã? Thật ra cũng tại hoàn cảnh giàu nghèo chênh lệch, cũng tại đâu óc tôi lúc đó còn quá cổ lỗ sĩ, tự ty mặc cảm, và cũng tại tôi quá thích nếp sống yên tĩnh hồn nhiên của đồng quê,.....

Trong khi ăn, Lan thì ngó trừng trừng, còn Nhi vô tình cứ tỉnh bơ như là tới nhà bạn ăn cơm vậy. Lúc đó tôi có nhiều lời muốn phân trần với Lan lắm nhưng không có dịp! Thật là có lỗi với nàng vô cùng, tôi không ngờ Lan là một tiểu thư đài các mà lại để mắt xanh đến anh chàng cù lần, nhà quê này. Sau đó để lương tâm khỏi cắn rứt, tôi định làm môi giới Lan cho Bảo, kẹt là nó đang có bạn gái ở xóm Kỳ Đồng, nên cuối cùng giới thiệu Lộc cho Lan. Nhưng trong trận chiến năm Mậu Thân, Lộc và Đại đã anh dũng hy sinh! Điều thật đáng buồn vì Đại là con trai độc nhất trong gia đình. Ôi chiến tranh thật là tàn nhẫn!!!

Lúc về nhà, tôi có kể chuyện về Lan cho Nhi biết, nàng chỉ mỉm cười. Sẵn dịp, tôi cũng nói luôn cho nàng biết tất cả mọi tình thời còn tuổi học trò. Tôi nói nếu đã cưới nàng thì phải có trách nhiệm che chở cho nàng suốt đời, những cô gái đó vẫn còn là những người bạn tốt của tôi. Nhi thật hiền lành, không thắc mắc, không than van, đã ủng hộ tinh thần tôi rất nhiều trong những năm chinh chiến đầy gian lao, nguy hiểm.

Lúc mới lên Sài Gòn, Nhi thường nhớ nhà, nhất là những đêm mưa tầm tã thì lại càng buồn hơn; lúc đó nàng thường khóc thầm, làm ướt đầm cả

vai áo tôi. Mỗi lần nàng khóc tôi liền hát bài “Tám Điệp Khúc” để chọc nàng cười:

.....“Nhi.....làm cho mưa bay giăng giăng.....mây tím dẹt.... thành sầu!”.....

Mỗi khi tôi đi hành quân, lòng nàng rất lo âu, nhưng không bao giờ thổ lộ cho biết, sợ tôi buồn. Trong 4 ngày phép hành quân, thực sự chỉ có 2 ngày được trọn vẹn. Còn ngày đầu thì đi xa ngàn dặm nôn nóng gặp mặt, nhưng ngày chót thì cứ suốt đêm nằm bịn rịn lo buồn cảnh sắp chia ly, có thể là một đi không trở lại, vì chỗ nào chiến trường thật sự sôi động và hung hiểm mới cần đến các đơn vị Nhảy Dù.

Nhi thích nghe bài hát “Chiều Trên Phá Tam Giang” của Nhạc sĩ Trần Thiện Thanh. Trong đó có những câu rất đúng với tâm trạng của người chinh phụ như nàng:

... “Nghĩ tới một điều em không rõ”

“Nghĩ tới một điều em sợ, không dám nghĩ”

“Đến một người đi giữa chiến tranh”

“Lại nghĩ tới anh”!

“Lại nghĩ tới anh”!.....

Mỗi lần bên trại gia đình binh sĩ nghe tiếng khóc than vì có người vừa nhận tin báo tử, suốt đêm đó Nhi lo âu hồi hộp. Thật là tội nghiệp cho các chinh phụ, lúc nào cũng sống với cảnh lo âu sợ sệt, trong cuộc chiến tranh đầy máu lửa này!

Vì đất nước lâm vào cảnh chiến tranh, hầu hết các phụ nữ đều lấy chồng lính. Dù hậu phương hay tiền tuyến đều có muôn ngàn nguy hiểm. Trong lòng chinh phụ lúc nào cũng lo cho sự an nguy của chồng, lo cho chính mình, và lo cho tương lai con cái. Họ sống vợ chồng với nhau rất là khiêm nhường. Họ sống với nhau bằng:

Những “24 giờ phép!”

Những “7 ngày đợi mong!”

Hoặc có người: “Cưới nhau xong là đi!”

Tuổi thanh xuân của các chiến sĩ hầu như cống hiến toàn phần cho tổ quốc, và tuổi thanh xuân của chinh phụ đã cống hiến toàn phần cho chinh phụ:

Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi

Dạ chàng xa ngoài cõi thiên san.

Chinh phụ lúc nào cũng:

Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng!

Hoặc là:

Ngàn dâu xanh ngắt một màu

Tình chàng ý thiếp ai sầu hơn ai ?



Thế nhưng để cho các chiến sĩ an tâm chiến đấu, an tâm phục vụ, làm tròn bổn phận và trách nhiệm, chinh phụ còn phải đảm trách việc nhà:

Ngọt bùi thiếp đã hiểu nam

Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân

Khi nhắc đến phụ nữ, có lẽ chúng ta không thể không ghi nhận và ca ngợi đức tính cao quý của người đàn bà Việt Nam. Không phải chỉ ở những thế kỷ xa xưa trước đây, mà ngay cả thời Cận đại, cũng như thời Hiện đại bây giờ; chúng ta cũng tìm thấy những bóng hình người đàn bà cao quý trong xã hội. Một trong những đức tính đáng khen ngợi là sự kiên trì và sự thủy chung của một người vợ Việt Nam. Chẳng hạn như một người vợ lính, thường ngày ở nhà phải lo toan việc gia đình, nuôi con ăn học, và thậm chí đôi khi còn phải lo cho gia đình của chồng nữa. Khi chồng bị đi tù gọi là cải tạo, thì người vợ lại phải lo tiếp tế thăm nuôi; và vẫn phải lo toan cuộc sống khó khăn hằng ngày trong gia đình dưới chế độ hà khắc Cộng sản. Khi người chồng trở về thì người vợ phải lo tìm đường vượt biên, và nhiều khi không đủ tiền người vợ lại phải hy sinh để cho người chồng dẫn theo một vài con đi trước. Đó là những đức tính rất cao quý, rất đáng ca ngợi, và rất hiếm thấy ở tất cả những người đàn bà ngoại quốc nào trên thế giới.

Nỗi đau khổ cùng cực nhất của người chinh phụ là khi trở thành quả phụ !!!

Thăm chồng mà chẳng gặp chồng

Bao nhiêu hy vọng theo giòng mây tan!

Hoặc:

Ngày mai đi lượm xác chồng

Say đi để muốn mình không là mình..!

Người đàn bà Việt Nam không phải như Phạm Duy đã nói:

Em ngại ngùng dạo phố mùa Xuân

Bên người yêu tật nguyên chai đá

Họ đã khắc khoải trong vai trò chinh phụ thì càng trọn vẹn trong vai trò “Tù phụ”. Sau ngày Quốc Hận 30/4/75, tất cả gia đình chiến sĩ, gia đình công chức miền Nam đều bị Cộng Sản bao vây chặt chẽ:

Tứ phía quân thù lưới bủa vây

Áo cơm pha với lệ voi đây

Nửa khuya thức giấc lo rồi sợ!

... Tù ở bên ngoài đâu khác trong

Hoặc khi đi thăm nuôi chồng thì:

Bên cầu em đứng, đợi, chờ, trông

Đông quá mà sao thiếu bóng chồng

Anh ơi ! Anh ơi ngày hai buổi

Đi về anh có nhọc nhằn không?...

Khi ngồi trên xe đò thấy:

.....Đoàn người lao động về ngang đó

Cuối mặt thương chồng lệ ướt mi!

Rồi nhắn nhủ:

Kiên nhẫn nghe anh em sẽ chờ

Anh về em sẽ hết bơ vơ!

Hoặc:

....Gặp nhau trong cảnh đoạn trường

Tuy trong gang tấc xa đường quan san

...

Bây giờ trở lại chuyện ở Tiểu Đoàn 9 Nhảy Dù. Thiếu tá Tiểu Đoàn Trưởng là một người rất tốt bụng, có lần Đô Thành bị địch pháo kích; ban đêm nghe tiếng đạn nổ vang rền, nhiều khu vực đông dân bị pháo trúng, gây ra những đám cháy sáng rực cả một vùng trời. Lúc ấy vào khoảng nửa đêm, ông lái xe vào doanh trại tiểu đoàn, thấy tôi đang cùng binh sĩ ở các hố chiến đấu ứng chiến, phòng địch lợi dụng pháo kích mà xâm nhập (nếu ông chạy vô trong thì sẽ thấy bạn Trần Hữu Bảo và anh Thành “Râu” Khoá 19 ĐL, cũng không thân nhân ở Sài Gòn như tôi). Thành là sĩ quan An Ninh Tiểu Đoàn rất được Thiếu Tá Huệ thương. Phần đông các sĩ quan khác đều có nhà ở đây, nên mỗi đêm họ về chung vui với gia đình, chỉ có ba đứa tôi là lúc nào cũng nằm chèo queo trong hậu cứ.

Có lẽ nhờ vậy mà ông thương nên sau đó vài tháng ông cho tôi và Bảo đi học lớp Điều không Tiền tuyến ở Dục Mỹ, Nha Trang. Rồi vài tháng sau lại đề cử cho tôi đi học lớp Tác Chiến Trong Rừng tại Mã-Lai.

### 3. Tại Trung Tâm Huấn Luyện Vạn Kiếp

Sau khi đầy đủ quân số, toàn bộ Tiểu Đoàn 9 được xe chở đến Trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp ở tỉnh Bà Rịa. Hằng ngày tôi và Đại có nhiệm vụ đưa binh sĩ Đại đội 90 đến các bãi tập, để các Huấn luyện viên của trung tâm dạy họ về cá nhân chiến đấu, riêng Đại Đội Chỉ Huy của chúng tôi cần phải học thêm về vũ khí nặng như Đại bác 75 ly và Súng cối 81 ly.

Ở Trung tâm này, tôi gặp 2 vị khoá đàn anh là trung úy Thọ, khoá 16, và thiếu úy Nguyễn Văn

Ty, khoá 19. Họ thường dẫn tôi ra phía sau doanh trại nhậu món Rựa Mận ăn với củ riềng, mắm tôm, và lá mơ thật ngon và vui vẻ!

Cuối khoá học, toán súng cối sẽ có nhiệm vụ bắn đạn khói để làm màn che cho tiểu đoàn tấn công mục tiêu trên các ngọn núi ở phía Tây bắc thị xã Bà Rịa. Từ nào tới giờ chỉ học toàn lý thuyết và bắn bập bẹ vài quả đạn súng cối khi còn ở quân trường, mà lúc đó tôi đâu có chú tâm mấy về loại súng này. Vì nghĩ mình sau này ra trường chỉ xử dụng súng Colt, súng trường, chớ đâu phải là sĩ quan pháo binh mà cần biết về biểu xích, cân bằng bọt nước của súng cối.

Một hôm khoảng 8 giờ tối, sau khi ăn cơm chiều xong, tôi mò qua chỗ vị trí trực súng cối của Trung Tâm. Lúc vừa định bước vào vòng rào thì gặp vị Thiếu úy Huấn Luyện Viên đang ngồi chơi cờ tướng với một Thượng sĩ già. Thấy tôi đến, hai vị hơi ngạc nhiên, vì đã huấn luyện nhiều Tiểu Đoàn Dù, nhưng chưa từng có ai tới nhờ chỉ dạy về Súng cối 81 ly như tôi. Hai người rất vui vẻ dẫn tôi đến chỗ vị trí đặt khẩu súng cối 81 ly. Súng được để ở trong hố tròn khoét sâu dưới đất khoảng một thước, đường kính khoảng 2 thước. Xung quanh được viền bằng những vỏ đạn 105 ly, trông rất mỹ thuật, trên đường viền đó có cắm những tiêu mốc đánh dấu A, B, C, D,...

Tôi được hai người chỉ về xạ biểu, cân bằng bọt nước, và cách đặt tiêu mốc chuẩn bị cho những hỏa tập cận phòng. Họ chỉ thật tận tâm và lần này tôi hấp thụ rất nhanh vì bây giờ thực sự cần biết nó để sắp sửa áp dụng vào thực tế trong cuộc thao dượt, và cho chiến trường trong những ngày sắp tới. Sau cùng tôi hỏi đến cách làm màn khói để chuẩn bị cho cuối tuần này.

Sáng sớm Thứ Bảy, đơn vị tôi được đưa đến vị trí cách chân núi Bà Rịa khoảng một ngàn thước, tôi cho đặt hai khẩu súng cối 81 ly hướng về đỉnh núi, các đại đội tác chiến đang dàn quân bố trí chờ đợi màn khói sẽ xung phong tấn công mục tiêu, là đỉnh núi cao phía trước mặt. Tôi lấy bản đồ kẻ vị trí điểm đứng của súng và vị trí dưới chân đồi, đo khoảng cách, đọc xạ biểu, và cân bằng bọt nước. Xong rồi hô to:

- Khẩu đội chuẩn bị...bắn.

Sau khi đạn chạm đất gây 2 cụm khói bay lên, tôi thấy hơi dài, nên điều chỉnh tiếp.

- Phương giác 120, về phải 50, gằn lại 100....chuẩn bị!

Sau khi hai khẩu đội trưởng điều chỉnh xong, tôi tới kiểm soát, rồi cho lệnh bắn tiếp. Lần này thì đúng như ý định, tôi báo cáo là màn khói sẵn sàng.

Đúng 8 giờ các đại đội đều bố trí xong, Tiểu Đoàn Trưởng ra lệnh:

- Các đơn vị chuẩn bị khi có màn khói, lập tức tấn công, nghe rõ trả lời?

- 90 nghe rõ

- 91 nghe 5/5

- 92 nghe rõ

- 93 nghe rõ

- 94 nghe 5 trên 5

Tôi cho các khẩu đội di chuyển nòng súng trái, phải, và bắn hằng loạt đạn khói làm một màn trắng như sương mù bao trùm cả chân núi rồi ngưng bắn, để các đơn vị tác chiến bắt đầu tấn công chiếm mục tiêu.

Sau buổi thao dượt, Thiếu úy Vinh, người chỉ tôi về súng cối, đến khen bắn màn khói rất đẹp và chính xác. Đại úy Phú và Tiểu Đoàn Trưởng tưởng tôi là người xuất thân Võ Bị, có tài đa năng, đa hiệu, thì việc gì cũng biết, nên rất hài lòng. Nhưng họ đâu có ngờ trước đó mấy ngày, tôi mò tịt về bắn súng cối, nói chi đến việc biết cách làm màn khói đẹp mắt như thế này đâu!

Lúc ở Bà Rịa, thấy các tân binh nhớ nhà trốn về Sài Gòn nhiều quá, Thiếu tá Huệ ra lệnh cạo trọc tất cả binh sĩ tiểu đoàn, rồi cho Quân Cảnh làm trạm kiểm soát. Vì thế không còn nạn trốn trại nữa. Tôi thấy các anh binh nhì như Tám Lọ, Mai Lọc, Võ Lọc, Châu Non, Năm, Hồi, Nghinh, Phạm văn Choi,... ưa lấy đũa gõ trên chén cơm, miệng râm râm mấy câu nam mô, trông giống các nhà sư, thật là tếu.

#### **4. Khóa Huấn Luyện Điều Không Tiền Tuyến**

Mùng bốn Tết ta, khoảng tháng hai năm 1966, tôi và Bảo được Tiểu đoàn đề cử đi học khoá Điều Không Tiền Tuyến tại Dục Mỹ, Nha Trang. Trong khi chờ đợi nhập học (vào ngày Mùng 8), tôi và Bảo tới ở nhà Nguyễn văn Táo, bạn cùng khoá, và được má Táo cho ăn món tôm chua thịt luộc truyền thống của người xứ Huế, giống như dưa giá thịt kho của Miền Nam thường ăn trong ba ngày Tết.

Để giải khuây trong dịp đầu năm này, Táo đưa Bảo và tôi tới nhà cô em họ tên B. Võ, ở một

hiệu sách trên đường Độc Lập, để đánh bài trong gia đình cho qua ba ngày Tết tha hương buồn tẻ này.

Bài bạc là thứ đồ đen, dễ bị tán gia bại sản, do đó tôi chỉ chơi giải khuây trong những ngày tết, với gia đình hoặc bạn bè chòm xóm thôi. Bốn chúng tôi (Táo, B. Võ, Bảo, và tôi) chỉ chơi xì dách 21 điểm và đặt nhỏ vì đâu có vốn nhiều. Vậy mà cũng kéo dài thâu canh, tới sáng mới chịu nghỉ. Lúc đầu tôi gom sòng, một đồng tiền ở trước mặt, còn Bảo thì cạn dần, có lẽ nó cứ lo nhìn lên cô em họ của Táo, một hoa khôi của thành phố Nha Trang, nên tới nửa đêm thì sạch túi. Rồi Bảo lấy tiền của tôi để chơi tiếp. Bàn tay của Bảo lúc đó sao mà xui quá, đến hừng sáng thì cô em họ của Táo quơ sạch hết!

Tới ngày đi trình diện trường Pháo Binh, Táo nói má nó cho mỗi đứa mượn hai ngàn để đóng tiền cơm. Khoá này chỉ có toàn sĩ quan Nhảy Dù của 8 Tiểu đoàn, gồm 16 người, trong đó có các anh Hồ Lê, Nhỏ, và Nam Râu là khoá 19 ĐL, đàn anh của tôi. Ngoài ra còn có Ngạc lùn, Cương Cù Đâu (không phải tên thật) là những tay khuấy nước chọc trời trong Sư đoàn Dù.

Giường ở đây có rất nhiều rệp, ai nấy đều thức suốt đêm, không ngủ được. Tôi và Bảo vì đóng tiền ăn, nên không còn đồng xu dính túi định cứ nằm lỳ ở trại chịu trận cho đàn rệp hút máu. Anh Nhỏ, Nam, và Hồ Lê thấy tội nghiệp, cứ mỗi lần đi đâu ba người thường rủ tụi này theo và họ dành trả tiền, đúng là tình anh em Võ Bị vô cùng gắn bó. Đàn anh lúc nào cũng muốn che chở cho đàn em. Bảo và tôi hết sức cảm động trước tấm thanh tình này.

Nhưng Cương và Ngạc (không phải tên thật) uống say thì ít khi tự chủ được bản thân. Có lần nhậu say ở câu lạc bộ Biệt Động Quân (bên cạnh trường pháo binh), Ngạc nổi hứng đòi đánh anh Đại úy Quản lý Câu Lạc Bộ. Anh này thấy Ngạc say nên chịu lép nhện nhục; vì uống quá nhiều, nên Ngạc quậy tùm lum, khiến một anh Trung sĩ BĐQ để tâm trả hận.

Một buổi chiều nọ, khi chúng tôi đang đứng ở đầu chợ Dục Mỹ, chờ đón xe về trại. Bỗng từ ngoài xa, anh Trung sĩ cầm dao phóng tới định đâm anh Ngạc, thật là may mắn, lúc đó tôi nhìn thấy kịp nên nhanh nhẹn chụp cổ tay và tước được con dao ra. Chỉ có mười sáu sĩ quan Dù mà dám quậy ở Biệt Động thì thật là gan trời, có lần

Cương nhậu say quá, tối hôm đó đang ngủ trên giường, bỗng anh ngồi dậy khóc hu! hu! rồi đập đầu làm bể cánh cửa của tủ đựng áo quần, may là tủ bằng gỗ, nếu bằng sắt thì đầu anh chắc tiêu luôn. Sáng thức dậy, Cương thấy đầu bị băng bó thì hỏi sao vậy, làm ai nấy nghe anh hỏi đều ôm bụng cười. Thì ra cả một đêm phá làng phá xóm, khiến trời gần sập mà anh vẫn không biết gì.

Có lẽ thấy những sĩ quan Dù này ba gai quá, nên anh phi công L-19 thay vì bay bình phi để cho khoá sinh quan sát điều chỉnh pháo binh. Nhưng muốn chơi Nhảy Dù, anh điều khiển máy bay lượn lên lượn xuống, làm mặt chúng tôi bị kéo dài ra như mặt ngựa, tối về anh nào cũng ói lia, ói lịa, ói ra tới mặt xanh, ói tới ruột lộn xà ngẫu, hết còn “Nhảy Dù cố gắng” nổi. Đặc biệt có anh Tài, mặt đã dài, khi phi cơ vút mạnh lên, trông mặt anh lúc đó càng thấy buồn cười hơn. Đã vậy mà mỗi lần máy bay lượn qua lượn lại, anh cứ oé lên la làng la xóm, khiến mấy tay phi công càng làm già thêm.

Khoá này dạy về điều chỉnh pháo binh, phần đầu học điều chỉnh dưới đất, phần chót ngồi trên máy bay L-19 để tập xác định tọa độ và điều chỉnh đạn pháo bằng tầm nhìn từ trên cao. Những điều học được rất bổ ích, có thể áp dụng trực tiếp trong các đơn vị Dù khi bị chạm địch.

## . Khóá Du Kích Chiến, Mã Lai

Vài tháng sau, trong lúc Tiểu đoàn đang tham dự cuộc hành quân tại thung lũng Iadrang, thuộc quận Lệ Thanh, tỉnh Pleiku; tôi nhận được công điện, gọi về Sài Gòn để đo may quần áo và làm thủ tục xuất ngoại đi Mã Lai học khoá 32 Tác Chiến Trong Rừng (Jungle Warfare School).

Lúc ấy vào khoảng tháng 9 năm 1966, Sư Đoàn Dù có bốn sĩ-quan được đề cử đi học: Chuẩn úy Nguyễn Văn Thu của TĐ2ND, Nguyễn Văn Khen thuộc TĐ3ND, Nguyễn Văn Phương, TĐ8ND, và tôi thuộc TĐ9ND. Khoá này có 4 sĩ quan Lực Lượng Đặc Biệt, trong đó có anh Sĩ, sau về TĐ9ND.

Theo những người đi trước kể lại là ở Singapore hàng hóa rất rẻ vì thuế nhẹ, nếu đem về nước bán sẽ có lời nhiều. Sẵn mới cưới vợ, tôi định làm một cú buôn bán nhỏ để có tiền mua sắm cho cặp vợ chồng mới mẻ này. Nhưng vào

giờ chót, tôi đem tiền trả lại cho ông anh họ bên vợ ở Chợ Lớn!

Khi máy bay loại C123 chở các khoá sinh đến phi trường Singapore, tôi thấy cảnh vật ở đây thật đẹp và vô cùng yên tĩnh. Không giống như Tân Sơn Nhất, lúc nào cũng có máy bay chiến đấu lên xuống thường xuyên (khi chúng tôi ở Đà Lạt mới về học nhảy dù, tiếng động cơ của các máy bay phản lực, gầm thét vang rền suốt đêm, vì không quen, nên mấy đêm đầu tiên, không ai có thể chợp mắt ngủ yên được!)

Chúng tôi vừa vào trong nhà kiếng của phi trường, cảnh sát Singapore tới chặn lại xét kỹ từng người coi có giấy chứng nhận đã chích ngừa đầy đủ chưa. Họ sợ các sĩ quan khoá sinh đem bệnh truyền nhiễm từ nước ngoài vào.

Tiếp đón chúng tôi tại đây là Đại úy Châu, Sĩ quan Liên Lạc kiêm Thông Dịch của nhà trường. Ông đưa khoá sinh bằng xe bus, chạy tới cầu biên giới hai nước rồi dừng lại, mọi người phải xuống xe để nhân viên hải quan kiểm soát hành lý và giấy passport. Họ khám từ cái áo thun đến trái cây, vì một ký trái lê ở Singapore là một đồng tiền Mã, trong khi ở bên kia cầu, thì giá mắc hơn gấp ba lần.

Do đó, trước khi qua cầu biên giới, đại úy Châu có cho xe ghé lại tiệm buôn của anh Tuấn và anh Nghĩa trong khu phố Chinatown ở Singapore. Hai anh chủ tiệm người Việt có đưa cho chúng tôi danh sách ghi giá biểu các món hàng, mà họ biết sĩ quan khoá sinh nào qua đây, cũng thường mua sắm những loại đó. Họ bảo cứ so sánh các tiệm khác, dù mua ở đâu, hai anh cũng sẵn lòng cho gởi đồ trong kho. Ngày về nước, chỉ cần tới đem thẳng từ đó ra phi trường Singapore, như vậy sẽ khỏi bị đóng quan thuế từ phía Mã Lai.

Mỗi chiều thứ sáu chúng tôi thường gọi taxi vô tận phòng ngủ của trường, từng ba người cùng đi một chiếc, thẳng qua Singapore để du ngoạn và mua sắm. Chúng tôi đã thử so sánh giá cả, thấy chỗ anh Tuấn, anh Nghĩa rẻ hơn nên cứ yên chí order thẳng với anh, để còn tranh thủ đi dạo các nơi.

Khóa này có đại úy Giàu, tham mưu trưởng ở Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, anh tuổi gần tứ tuần, mỗi lần tới khách sạn, anh thích gọi thợ đâm bóp người Hoa có nghề rất điêu luyện, họ bấm huyết và kéo giãn xương gân kêu nghe

“Rộp rộp”. Hầu hết chúng tôi còn thanh niên, nên không có mỗi lưng, chỉ thích đi khu phố Tàu để mua sắm và ăn món vịt Bắc Kinh và dưa cải xào ruột già, ngon vô cùng. Lúc kêu đồ ăn, vì không rành tiếng Tàu, nên nhiều khi bị đưa lộn món mà vẫn phải ráng ăn. Khi tính tiền thường nói bập bẹ vài tiếng (sầu lúi, tẩy xu,...!) để họ không tính giá đập đồ như những người ngoại quốc khác!

Quân trường này có diện tích rộng gần bằng trường Bộ Binh Thủ Đức, nhưng số học viên chỉ có 2 toán khoảng 80 người, gồm 40 sĩ quan Việt Nam và 40 sĩ quan Đồng minh. Công ra vô không có lính gác như ở các căn cứ quân sự của nước mình. Chỉ có một nhân viên an ninh đứng trực phòng vũ khí với cây “Can” cầm nơi tay. Hầu như cảnh sát ở khắp các thành phố của hai nước Mã Lai và Singapore đều không mang súng.

Điều đáng chú ý là ở đây họ rất quan tâm đến đạn dược, mỗi khóa sinh chỉ được nhận 9 viên đạn thật để phòng thân, hầu lúc vô rừng đối phó khi gặp thú dữ. Ai lỡ bị mất một viên đạn thì phải có lý do, cần làm phúc trình báo cáo chi tiết. Nếu không chính đáng có thể bị trục xuất về nước!

Từ những yếu tố trên, mọi người đều cảm thấy quyền luyện cảnh sống yên ổn an vui trong một đất nước thanh bình. Khác với đời sống loạn lạc, lúc nào cũng như bị đe dọa về sinh mạng và không khí ngột thở bao trùm toàn chiến tranh đầy chết chóc của quê hương ta.

Khoá sinh được ở từng phòng riêng biệt, có đầy đủ tiện nghi, mỗi buổi sáng người bồi đến từng phòng gõ cửa gọi:

- Tea sir!

Sau khi uống trà sữa nóng xong, trong khi khóa sinh rửa mặt, người bồi phòng lo xếp gọn ba lô và trải giường ngay ngắn, xong anh ta đích thân máng ba lô lên vai cho chúng tôi. Họ lễ phép coi các sĩ quan khoá sinh này như khách quý vậy.

Những người bồi phòng rất tử tế một phần vì đã được chỉ thị cách đối xử lịch sự với người ngoại quốc, một phần khác Đại úy Châu có căn dặn khoá sinh cho tiền tip khá đê giữ thể diện Quốc gia. Toán khoá sinh Đồng Minh, trong đó đa số là sĩ quan Hoa kỳ, vì bản tính tự nhiên kiểu Mỹ của họ, mặc dù giàu có nhưng keo kiệt nên bị các bồi phòng chê.

Các lớp học thường là ở trong đồn điền cao su, hoặc ở trong rừng, mỗi buổi cơm trưa có xe chở đồ ăn nóng tới; với nước cam, bưởi hoặc nước

ngọt, cà phê, đồ tráng miệng thật vô cùng đầy đủ. Trường này do Hoàng gia Anh đài thọ, nên bữa ăn chiều rất trang nghiêm, trong phòng ăn hết sức yên lặng, mọi người (khoá sinh và sĩ quan huấn luyện người Anh) đều phải thắt cà vạt. Trên bàn ăn bày đầy dao, muỗng, nĩa,.. đặc biệt ở các bàn người Việt Nam mình đều có các tô nước tương, trong đó có đầy ớt xắt lát đỏ tươi!

Thỉnh thoảng họ tổ chức party đãi khoá sinh, đặc biệt bốn đứa sĩ quan Dù chúng tôi rất được Thiếu tá Trưởng khối Huấn luyện ưa thích vì ông cũng thuộc Binh chủng Nhảy dù của Hoàng Gia Anh. Ông ta cũng đội mũ đỏ như chúng tôi và có tửu lượng rất cao, bốn tên nhập lại mà cũng không hạ nổi, vì không quen uống rượu Tây nên dễ bị say. Rượu Jean, Rum có vị vừa thơm vừa ngọt dễ uống nên bị say ngằm. Khác với rượu đế của ta, nó gắt và nặng cần phải dẫn bụng rồi mới dám uống. Đêm đó tôi bị say quá chừng, mà trong bụng thì xẹp lép, không có chút đồ ăn nào hết!

Trường này chú trọng dạy về cách chiến đấu trong rừng, thoát hiểm mưu sinh, phản phục kích trên bộ và trên sông rạch, cách xác định điểm đứng, và cách phân biệt trên bản đồ quân sự các loại rừng già (loại rừng số 1), rừng rậm toàn lau sậy, ô rô, và dương xỉ (rừng số 2),...

Lúc thực tập cần phải chú ý đề tâm, chớ không được học hời hợt, câu thả. Khi hai bên đánh tập với nhau, dù là bằng đạn mã tử, nhưng muốn bắn thì phải nhắm mục tiêu cho kỹ. Nếu rìa bắn bậy bạ thì phải tập lại cho đúng mới thôi. Có lần tôi được đề cử làm chỉ huy cả toán, để tiến đánh một mục tiêu đã chỉ định. Do không chuẩn bị sẵn, phần vì cấp bách và phần vì lơ đãng, nên khi đứng trước toán để ban lệnh hành quân; tôi nói thiếu sót phần tình hình địch và bạn. May nhờ Đại úy Châu thông dịch thêm bớt nên được thiếu tá huấn luyện viên khen đáo đẽ, làm trong bụng tôi mắc cỡ gần chết!

Không phải tự nhiên tôi được ông thiếu-tá Nhảy Dù người Anh, chỉ định làm người chỉ huy cho buổi thao dượt cuối cùng của khoá 32 này đâu. Nguyên do tuần rồi, toán tôi được về nhất trong cuộc đi địa hình tìm cọc.

Cả lớp 40 người chia ra thành 10 toán nhỏ, được xe chở đến các địa điểm khác nhau trong khu rừng rậm. Từ đó các toán phát xuất đi địa hình tìm cọc và trong hai ngày phải tập trung đến

một địa điểm gần trường. Toán tôi có anh Lương Huỳnh Hương, khoá 16 Đà Lạt, một Thiếu úy Bộ binh, và một Chuẩn úy Địa phương quân. Chúng tôi khởi hành đi chuyển trong khu rừng già, loại rừng số một, đi tới trưa thì dừng lại lấy lương khô ra ăn vội, rồi tiếp tục lên đường, vì phía trước là rừng số 2, loại rừng toàn cây ô rô, dương xỉ, rất khó đi. Lúc đầu chúng tôi thay phiên nhau lấy dao rừng, chặt cây dọn đường làm lối đi, nhưng rì mọ hơn một tiếng đồng hồ mà chỉ được 100 thước! Như vậy 16 cây số còn lại thì biết bao giờ mới tới nơi? Anh Hương, đại niên trưởng của tôi, đề nghị mỗi người thay phiên nằm xuống, lấy thân đè lên cây ô rô làm cầu cho người kế tiếp bước qua. Mọi người làm theo chừng một giờ mà chỉ được 500 thước, ai nấy đều vất vả và mỗi mệt vô cùng. Trung úy Hương, mọi khi rất bình tĩnh và bản tính rất hiền lành (mỗi cuối tuần, tôi thường cùng đi với anh qua Singapore để du ngoạn và mua sắm), nhưng hôm nay anh gặp phải đoạn đường đầy chướng ngại vật, và còn khoảng 4, 5 tiếng nữa là trời sụp tối rồi mà chưa đi tới đâu, nên rất bồn chồn nóng ruột. Vì anh là con chim đầu đàn, có trách nhiệm về tinh thần trong việc hướng dẫn chúng tôi ra khỏi chướng ngại vật này!

Đi được một đoạn nữa, thấy có một con đường đất đỏ băng ngang qua hướng đi. Tôi đề nghị đi theo con đường này, đến khi hết rừng dương xỉ thì sẽ đổi phương giác ngược lại, rồi đi tiếp theo hướng đã định để tìm các cột tiêu mốc do nhà trường chỉ định các tọa độ trên bản đồ. Giống như trên hướng đi mà gặp hồ nước (hoặc sông rạch) trước mặt thì thay vì phải lội băng ngang, ta chỉ cần đi vòng theo ven bờ (hoặc kiếm cầu) để qua tới bên kia rồi tiếp tục bẻ góc, đi theo hướng cũ.

Mọi người đều đồng ý, vừa ngằm đếm bước đôi vừa thoải mái đi phom phom theo đường xe bò. Đi một khoảng thì đường mòn uốn cong về hướng Đông, đúng y như hướng chúng tôi dự định, ai nấy đều hết sức mừng rỡ, tiếp tục nhanh chân tiến bước. Bỗng anh Chuẩn úy Địa Phương Quân kêu rú lên, chúng tôi quay lại nhìn thì thấy mặt mày hấn xanh lét, tay chân run rẩy, miệng méo máo, môi run lập bập, như muốn nói gì nhưng thốt không ra tiếng. Tôi hỏi:

- Máy làm gì vậy Tân ?

- Ông ....thầy!!!

- Cái gì ? Ông thầy hả?

Tân không trả lời, bước nhanh vượt qua trước, mà mặt cứ lăm lét ngó về phía sau. Anh người nhỏ con, nãy giờ cứ than mệt, đi lết đệt phía sau, nhưng bây giờ lại cố chen lên phía trước. Tôi hỏi gì, Tân cứ lắc đầu, không nói năng chi hết.

Nhờ theo đường mòn, nên đi khoảng hai tiếng thì đã vượt qua khỏi rừng cây dương xỉ. Chúng tôi kiểm soát lại tọa độ điểm dừng, rồi tiếp tục đi nhanh tới phía trước; một chập sau, thì ra khỏi đám rừng, phía trước mặt là một bãi đất trống mà người ta đã ủi để khai hoang trồng trọt. Bây giờ Tân thấy đã đi rất xa chỗ hồi nãy, nên mới dám nói cho chúng tôi biết là anh đã gặp cọp. Thì ra anh không dám kêu thẳng tên cọp mà gọi là “Ông thầy”! (Cọp ở Mã Lai đâu có biết tiếng Việt?)

Nhà trường đã phát cho mỗi người 9 viên đạn thật, mục đích để đề phòng thú dữ như trường hợp này. Tôi đó chúng tôi lượm cây khô, đốt lửa suốt đêm để phòng muỗi và cọp. Trời hừng sáng, trong khi ai nấy đang chìm đắm trong giấc ngủ say sưa vì suốt hôm qua quá mệt, bỗng tiếng động cơ nổ làm mọi người đều giật mình thức giấc. Nhìn từ hướng Bắc, có một xe “Ben” đang chạy về phía chúng tôi. Anh Hương gọi:

- Các anh mau ra chặn xe lại để đi ké một đoạn.

Con đường xe sắp chạy tới là đúng hướng Đông, vì chiều hôm qua, trước lúc đi ngủ, chúng tôi đã chắm tọa độ sẵn sàng hết rồi. Mọi người đều lẹ làng cuốn gọn ba-lô chạy nhanh ra đón. Khi xe chạy được một đoạn chừng 10 cây số thì chúng tôi nói tài xế ngừng lại, vì nếu tiếp tục đi thêm vài cây số nữa thì sẽ đến đúng điểm tập trung, như vậy thì bị lộ tẩy, có thể huấn luyện viên sẽ nhìn thấy!

Chúng tôi xuống xe, lấy bản đồ định phương giác, rồi tiếp tục đi về điểm tập trung, đó là một cơ sở đồn điền cao su. Đi chừng hai tiếng đồng hồ thì bắt đầu đặt chân vô đồn điền.

Từ xa tôi thấy mấy ông huấn luyện viên, đang đứng cạnh một căn lều vải lớn. Họ đang chỉ về hướng chúng tôi; khi tới nơi, họ mừng rỡ và khen ngợi rồi rít, vì toán này tới sớm nhất!

Thật ra nếu không nhờ có đường mòn và xe Ben thì còn kẹt trong rừng, chưa biết chừng nào mới đến đây nữa? Họ tưởng thưởng bằng cách cho xe chờ thẳng về trường và chúng tôi được phép đi phổ lần chót vào ngay chiều Thứ Năm

đó. Vì cuối tuần sau, chúng tôi bắt đầu lên máy bay về nước, từ phi trường Singapore !

Ngày về nước, tôi có mua vài cái đồng hồ Seiko để cho bà con, và đặc biệt có mấy cây thuốc thơm để chia cho binh sĩ thuộc cấp, vì tôi không biết hút thuốc. Không hiểu trong người tôi có máu nhà binh hay sao, mà khi đi xa nhà, mặc dù mới cưới vợ, nhưng trong đầu tôi lúc nào cũng chia đều:

“Nửa phần nhớ lính, nửa phần nhớ em”.

Nàng dâu mới xinh xinh của tôi, thì lẽ đương nhiên là nhớ nhiều, nhưng các chú lính trẻ như Mai Lực, Tám Lọ, Thạch Sên, Dương Phen,...lúc nào cũng chí chèo, lú lo trông họ ngây thơ vô tội, thật là dễ thương.

Dương Phen thì cao ráo, có thân hình lực lưỡng, là xạ thủ súng cối tài giỏi, Châu Non thì khi di chuyển trước ngực mang ba lô, sau lưng mang bàn tiếp hậu súng cối 81 ly, nhưng miệng cứ lăm bằm cười chọc:

- Sắc Muội Nực...bol (Tiếng Khmer là: Thiếu úy nhớ vợ)!

Còn Thạch Sên là người có sức mạnh vô cùng, anh có thể một mình khiên toàn bộ khẩu súng cối, nặng gần một tạ, mà đi phom phom trong rừng núi gập gềnh, mỗi ngày khi dừng quân, ba người đều đào hố súng cối rất sâu và rộng, Sên là người có bùa Miên cao tay nhất Tiểu đoàn, có lần anh trung sĩ Thạch Sanh bị bùa hành, Sanh tự nhiên như người say rượu, chạy lên Ban chỉ huy đại đội của Trung úy Ngô Tùng Châu chửi bới la hét bậy bạ, Thạch Sên tới trấn áp, rồi ném anh ta xuống vũng nước sinh, để đại đội trưởng đả nư, khỏi cần phạt tù nữa.

Tiểu đoàn có rất nhiều lính người Việt gốc Miên, họ thường rất tin bùa ngãi. Tôi thấy Thượng Sĩ Nhứt Sơn Dum, đêm nào cũng đốt nhang thờ cúng, ông ta sau này qua Nam Vang đeo quân hàm đại úy của xứ chùa Tháp.

Nghe nói bùa của họ rất linh nghiệm, nhưng cũng phải kiêng cử rất nhiều, không được để bùa gần chỗ dơ, không được chui qua sào phơi áo quần, không được lấy vợ người ta, không được để đàn bà rờ đầu,... Điều tôi được chính mắt thấy, tai nghe về sự linh nghiệm của bùa ngãi này rất nhiều:

Châu Non sau này bị xe đụng chết ở Ngã Tư Bảy Hiền, nghe nói trước đó anh bị tai tiếng bê bối trong trại gia binh. Trung sĩ Sơn Dương,

thuộc Đại đội 91, đã đi lính lâu năm chưa từng bị thương. Một hôm, trong cuộc hành quân ở Phù Cát thuộc tỉnh Bình Định, anh đi vệ sinh nên cúi bừa máng ở một nhánh cây. Khi anh (không còn bừa hộ mạng trong mình) vừa bước tới gò đất chừng 10 thước thì bị đập phải mìn, nổ chết không kịp trối. Tôi đã đi hành quân, có năm bị thương tới ba lần, còn Đại tá Đặng, người Việt lai Miên, ở cạnh nhà, khi đụng trận, hai tay ông cứ quơ khăn bừa phát phát, nhào lên phía trước, mà suốt 20 năm xông pha, ông chưa từng bị thương tích lần nào. Dương Phan có cho tôi cái nanh heo rừng, nhưng về nhà cứ bị bà xã rờ đầu hoài, nên phải đem trả lại, sợ phạm bùa giống như Thạch Sanh, thì nguy hiểm vô cùng